

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2024/DS-PT**

Ngày: 10/01/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Văn Hiếu

Ông Trương Chí Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:* Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 278/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 299/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP NI (tên giao dịch V2), địa chỉ trụ sở chính: Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ Chi nhánh N2: Số E đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng: Ông Trần Phước Q, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngũ Hành S tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 824/UQ-VCB-PC ngày 20/10/2021 của ông Phạm Quang D - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của V2 và Giấy ủy quyền lại số 17/UQ-NĐN-HCNQ ngày 24/4/2023 của Giám đốc V2 Chi nhánh N2 (ông Q có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1962 và bà Lưu Thị T, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: K đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (Bà T có mặt, ông M vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn - bà Lưu Thị T (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

### Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N1 trình bày như sau:*

Theo Hợp đồng tín dụng số 138/19/VCBNDN.NHS ngày 24 tháng 5 năm 2019, ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết V vốn tại Ngân hàng TMCP N1 với số tiền vay 2.400.000.000 đồng, thời gian vay 180 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu, kỳ hạn trả nợ: Gốc và lãi trả vào ngày 15 hàng tháng, mục đích sử dụng vốn: Vay mua nhà ở, lãi suất cho vay là 8,1%/năm và cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu, sau thời gian này lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của ngân hàng + 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm đó; lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Thực hiện hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông M và bà T toàn bộ số tiền 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Ông M và bà T đã trả nợ đúng hạn mỗi tháng 13.300.000 đồng trong 41 kỳ và tổng số tiền gốc đã thanh toán là 546.530.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là toàn bộ nhà và đất tại thửa số 416, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Tổ B phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị T có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AL 085919 do Ủy ban nhân dân Quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/12/2007. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số 68/19/TC-VCBNDN.NHS ngày 24/5/2019 được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ tại quận H theo đúng quy định pháp luật.

Ông Trần Ngọc M bắt đầu phát sinh nợ quá hạn tại Ngân hàng kể từ tháng 09/2021. Tính đến ngày 13/9/2023 còn nợ ngân hàng số tiền là: 2.169.380.372 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.853.470.000 đồng; nợ lãi được cơ cấu: 166.206.930 đồng; nợ lãi phát sinh đến hết ngày 13/09/2023: 149.644.772 đồng; nợ lãi phạt quá hạn: 58.670 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp, đồng thời có văn bản yêu cầu Trần Ngọc M và bà Lưu Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 138/19/VCBNDN.NHS ngày 24 tháng 05 năm 2019, tuy nhiên, tính đến nay, ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết V1 liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ. Thông cảm với hoàn cảnh gia đình khách hàng, Ngân hàng đã gia hạn đến ngày 31/8/2023 để bị đơn trả hết nợ gốc đến hạn hàng tháng và toàn bộ nợ lãi thì Ngân

hàng sẽ xem xét rút đơn khởi kiện, tuy nhiên đến nay bị đơn không thực hiện được nên Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết P thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng nêu trên, lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày tiếp theo trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết K thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ.

*\* Bị đơn bà Lưu Thị T trình bày:*

Bà xác nhận vợ chồng bà Lưu Thị T và ông Trần Ngọc M có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng TMCP N1 như lời khai của người đại diện ngân hàng là đúng. Bà xác nhận có vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 9/2021, xác nhận số nợ gốc và lãi còn lại chưa thanh toán tính đến ngày 14/9/2023 là 2.169.380.372 đồng. Bà đề nghị Tòa án xem xét đến nguyên nhân gây ra tình trạng chậm trả nợ là do chồng bà là ông Trần Ngọc M bị tai nạn khi tham gia giao thông chấn thương sọ não và liệt tứ chi, sống thực vật, mất khả năng lao động trong khi bà là người trực tiếp chăm sóc cho ông M nên kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến có chậm trễ trả nợ vay cho Ngân hàng. Hiện nay gia đình chưa làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố ông M mất năng lực hành vi dân sự, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông M theo quy định của pháp luật.

Nay đề nghị Tòa án và Ngân hàng xét hoàn cảnh quá khó khăn của gia đình bà xem xét giãn thời gian trả nợ và giảm lãi suất vay. Bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, *Bản án sơ thẩm đã tuyên xử như sau:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP N1 đối với ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết P.

Buộc ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết P thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền 2.169.380.372 đồng (Hai tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc: 1.853.470.000 đồng; Nợ lãi được cơ cấu: 166.206.930 đồng; Nợ lãi phát sinh đến hết ngày 13/09/2023: 149.644.772 đồng; Nợ lãi phạt quá hạn: 58.670 đồng.

Kể từ ngày 14/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 138/19/VCBNDN.NHS ngày 24/5/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP N1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết K thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 55,1m<sup>2</sup>, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là căn nhà 02 tầng, tường xây, mái tôn, sàn đúc, nền gạch men, diện tích xây dựng 52,1m<sup>2</sup> tại thửa đất số 416, tờ bản đồ số 12, địa chỉ K N, tổ B phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AL 085919 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/12/2007 cho ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết T1 Hợp đồng thế chấp ngày 24/5/2019 được lập tại Văn phòng C1, được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ tại quận H, thành phố Đà Nẵng ngày 24/5/2019 được xử lý theo Điều 299 Bộ luật Dân sự để đảm bảo thi hành án. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:* Ngày 29/9/2023, bà Lưu Thị T kháng cáo Bản án sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hoàn cảnh gia đình bà trong điều kiện khó khăn hiện nay để khoan vùng nợ, không phát sinh lãi và kéo dài thời gian trả nợ cho bà.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,* người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP N1 kiện đòi nợ vay với bà Lưu Thị T và ông Trần Ngọc M thông qua hợp đồng tín dụng, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng và theo thỏa thuận tại Điều 14.1 của Hợp đồng tín dụng, các bên lựa chọn thẩm quyền giải quyết tranh chấp là nơi có trụ sở của Chi nhánh Ngân hàng nên Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b

khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Lưu Thị Tuyết C đơn kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của bà Lưu Thị T đề nghị xem xét hoàn cảnh gia đình bà trong điều kiện khó khăn hiện nay để khoan vùng nợ, xin Ngân hàng không tính lãi và kéo dài thời gian trả nợ cho bà thì thấy:

[2.1] Ngày 24/5/2019, vợ chồng bà T, ông M có cùng nhau vay của Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh N2 – Phòng G số tiền 2.400.000.000 đồng để mua nhà ở, thời hạn vay là 180 tháng. Do bà T và ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện bà T, ông M để đòi nợ trước hạn là phù hợp với thoả thuận của các bên tại Điều 13.1.1 của Hợp đồng tín dụng và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Bà Lưu Thị Tuyết thông N và không có tranh chấp với Ngân hàng TMCP N1 về số tiền nợ gốc và lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Lưu Thị T, ông Trần Ngọc M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ vay tính đến ngày 13/9/2023 là: 2.169.380.372 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.853.470.000 đồng; Nợ lãi được cơ cấu: 166.206.930 đồng; Nợ lãi phát sinh đến hết ngày 13/09/2023: 149.644.772 đồng; Nợ lãi phạt quá hạn: 58.670 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Hiện nay, căn nhà có được sau khi dùng tiền vay của Ngân hàng để mua, bà T cũng đã bán nhưng không trả nợ cho Ngân hàng. Nay, bà T trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin Ngân hàng khoan vùng nợ gốc, không phát sinh lãi tiếp theo thì thấy, trong hợp đồng tín dụng các bên hoàn toàn không thoả thuận về điều khoản khoan nợ, ngưng tính lãi. Mặt khác, việc cho vay có lãi là hoạt động tín dụng của Ngân hàng và phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng, trong trường hợp bên vay xin không phát sinh nợ lãi phải được bên cho vay là Ngân hàng chấp thuận và phải đúng với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục tính lãi phát sinh là phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016. Do đó, bà T kháng cáo xin khoan nợ, không phát sinh lãi tiếp theo là không phù hợp với pháp luật nên không được chấp nhận.

[3] Về xử lý tài sản thế chấp: Các bên thống nhất tài sản thế chấp để bảo đảm nợ vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 416, tờ bản đồ số 12, địa chỉ K đường N, tổ B phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AL 085919 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/12/2007 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: Trong trường hợp bà Lưu Thị T, ông Trần Ngọc M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp nêu trên sẽ bị xử lý theo quy định để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Thị T, giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Lưu Thị Tuyết P chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm cho bà.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Thị Tuyết .

II. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP N1 đối với ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết .

#### **Xử:**

1. Buộc ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết P thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền 2.169.380.372 đồng (Hai tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng), trong đó:

- Nợ gốc tiền vay: 1.853.470.000 đồng.

- Nợ lãi được cơ cấu: 166.206.930 đồng.

- Nợ lãi phát sinh: 149.644.772 đồng (đến ngày 13/09/2023)

- Nợ lãi phạt quá hạn: 58.670 đồng.

Kể từ ngày 14/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 138/19/VCBNDN.NHS ngày 24/5/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho

Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP N1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết K thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 416, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: số K đường N, tổ B phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 085919 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/12/2007 cho ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết T1 Hợp đồng thế chấp số 68/19/TC-VCBNĐN.NHS ngày 24/5/2019 được lập tại Văn phòng C1, được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ tại quận H, thành phố Đà Nẵng ngày 24/5/2019 được xử lý theo quy định của pháp luật để đảm bảo thi hành án thu hồi nợ trả cho Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị T được miễn án phí.

Ngân hàng TMCP N1 không chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.866.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003752 ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Chi phí tố tụng khác: Buộc ông Trần Ngọc M và bà Lưu Thị Tuyết P hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N1 chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

III. Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng bà Lưu Thị T được miễn.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Sơn Trà, Tp ĐN;
- TAND quận Sơn Trà, Tp ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM**  
**CÁC THẨM PHÁN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Hiếu Trương Chí Trung**

**Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo**



